

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/24/BB-HĐQT/HAGL AGRICO của Công ty ngày 19 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị Quyết này Quy chế Công bố thông tin của Công ty, thay thế Quy chế Công bố thông tin số 1506/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 15/06/2015.

Điều 2. Giao Ông Trần Bá Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký tên trên các hồ sơ, giấy tờ cần thiết và chỉ đạo các cá nhân, bộ phận có liên quan triển khai thực hiện nội dung trên.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và cá nhân, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát (để báo cáo);
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 



TRẦN BÁ DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

-----o0o-----

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Gia Lai, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/24/NQ-HĐQT/HAGL AGRICO
ngày 19 tháng 11 năm 2024....)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về công bố thông tin được quy định trong các văn bản pháp luật để việc công bố thông tin của công ty được đầy đủ, chính xác kịp thời và minh bạch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho các phòng ban, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- Người nội bộ;
- Người có liên quan;
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các chữ viết tắt sau đây được hiểu như sau:

- **Công ty**: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai;
- **HĐQT**: Hội đồng quản trị;
- **ĐHĐCĐ**: Đại hội đồng cổ đông;
- **UBCKNN**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- **SGDCK**: Sở Giao dịch chứng khoán;
- **CBTT**: Công bố thông tin;
- **BCTC**: Báo cáo tài chính;

- **Đối tượng công bố thông tin:** Công ty đại chúng; Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng; Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng; Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp; Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam); văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi là Sở giao dịch chứng khoán), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- **Người nội bộ:** Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng, người đại diện theo pháp luật, các chức danh quản lý tương đương do ĐHDCĐ hoặc HĐQT bổ nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền CBTT;
- **Người phụ trách quản trị công ty:** Là cá nhân được HĐQT của công ty bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể làm kiêm nhiệm Thư ký công ty;
- **Người thực hiện công bố thông tin:** Là người chịu trách nhiệm đại diện công ty để CBTT ra bên ngoài. Người thực hiện CBTT là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc là người được công ty ủy quyền hợp pháp để thực hiện CBTT;
- **Người có liên quan:** Cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- **Cổ đông lớn:** Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, người thực hiện CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Việc ủy quyền thực hiện công bố thông tin được thực hiện theo mẫu Giấy ủy quyền quy định tại Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Tổ chức phải báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDC trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Nội dung thông tin công bố phải rõ ràng, đầy đủ, chính xác, kịp thời và tuân thủ theo quy định pháp luật. Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước

- ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng CBTT chịu trách nhiệm về thông tin mà mình công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
 3. Các đối tượng CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCK và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
 4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
 5. Ngôn ngữ chính thức thực hiện CBTT là tiếng Việt đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình sau:
 - Công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
 - Công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;
 6. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
 - Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 6. Hình thức và phương tiện cung cấp thông tin công bố

1. Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc công bố đều được thực hiện bằng văn bản giấy và/hoặc văn bản điện tử, dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số,...theo yêu cầu của UBCKNN và/hoặc SGDCK.
2. Việc công bố thông tin còn thực hiện qua phần mềm công bố thông tin theo quy định của UBCKNN và/hoặc SGDCK tại từng thời kỳ. Các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện công bố thông tin thông qua phần mềm công bố thông tin phải đảm bảo nguyên tắc:
 - Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm tên truy cập và mật khẩu để công bố thông tin đến UBCKNN và/hoặc SGDCK;
 - Thực hiện công bố thông tin theo đúng hướng dẫn của SGDCK và/hoặc UBCKNN.
3. Phương tiện công bố thông tin

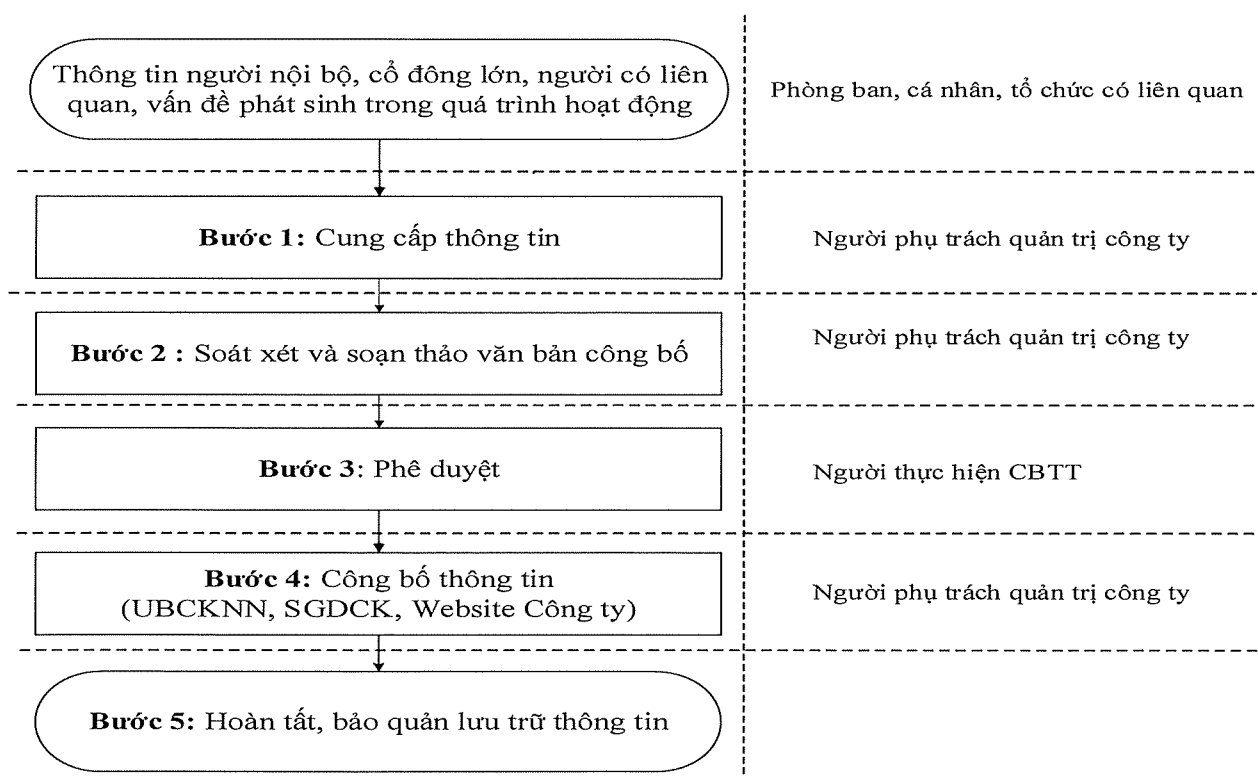
- Trang thông tin tiện tử (website) của Công ty;
- Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...);
- Trang thông tin điện tử dùng để công bố, số fax/địa chỉ email dùng để chuyển Thông tin phải được thông báo và đăng ký với UBCKNN, SGDCK;
- Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Trường hợp có thay đổi liên quan đến địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc các thay đổi trên trang thông tin điện tử, Công ty phải gửi văn bản đến UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Thời hạn và nội dung công bố thông tin

Thời hạn và nội dung CBTT được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.

Điều 8: Lưu đồ quy trình công bố thông tin



Điều 9. Diễn giải lưu đồ quy trình công bố thông tin

Bước 1. Cung cấp thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này, các phòng, ban, tổ chức liên quan phải liên hệ và gửi thông tin đến Người phụ trách quản trị công ty đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian công bố thông tin và thời gian nộp báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, thời gian công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Soạn thảo văn bản công bố thông tin theo hướng dẫn tại các mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bước 3. Trình Người thực hiện CBTT phê duyệt

- Người phụ trách quản trị công ty trình Người thực hiện CBTT của công ty phê duyệt trước khi thực hiện công bố.
- Riêng đối với Báo cáo tài chính Quý, Bán niên, Năm (riêng và hợp nhất, bao gồm nội dung giải trình biến động kết quả kinh doanh), Ban Tài chính Kế toán có trách nhiệm trình Giám đốc Tài chính xem xét trước khi trình Người thực hiện CBTT phê duyệt.

Bước 4. Báo cáo và Công bố thông tin

Người phụ trách quản trị công ty gửi văn bản công bố thông tin đến hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK, phương tiện thông tin đại chúng đúng nội dung và thời gian đối với từng loại công bố thông tin (định kỳ, bất thường và theo yêu cầu) theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này và theo quy định của pháp luật, đồng thời đăng tải nội dung CBTT lên trang thông tin điện tử của Công ty.

(Lưu ý: Các thông tin trên phải được gửi cho UBCKNN, SGDCK trước khi công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng).

Bước 5. Bảo quản và Lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định tại Điều 5 Quy chế này để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

Điều 10. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng

1. Thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: trả lời phỏng vấn, bài viết, email, tin nhắn văn bản, v.v... liên quan đến hoạt động của Công ty cần phải có sự thống nhất ý kiến trước với Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được giao trách nhiệm thực hiện việc giám sát các thông tin được công bố. Nếu chưa có ý kiến đồng ý của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được giao trách nhiệm giám sát các thông tin được công bố, thì thông tin đó không được xem là thông tin chính thức và chưa thể cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng.
2. Đối tượng có trách nhiệm thực hiện CBTT phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin phát sinh để Người phụ trách quản trị công ty thực hiện việc xử lý thông tin và báo cáo đúng thời gian CBTT theo quy định. Nội dung thông tin được cung cấp phải bao gồm tài liệu liên quan (nếu có).

Điều 11: Tạm hoãn công bố thông tin

Trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn do những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...), Người công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Tất cả các cá nhân không được công bố bất kỳ thông tin nào và dưới bất kỳ hình thức nào nhân danh Công ty nếu không có sự ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật, ngoại trừ trường hợp phải tự công bố theo quy định của pháp luật.
2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm chính sách này sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật, xử phạt theo nội quy của công ty và có thể bị xử lý theo quy định khác của pháp luật. Nếu vi phạm dẫn đến việc công ty bị thiệt hại thì cá nhân vi phạm phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Quy chế CBTT này được phổ biến đến đối tượng CBTT, Người cung cấp thông tin và tất cả các nhân viên thuộc các phòng/ban đơn vị trong toàn công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.
4. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành việc công bố thông tin nội bộ đúng với Quy chế này.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

1. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm rà soát định kỳ Quy chế và đề xuất các sửa đổi, bổ sung, thay thế cần thiết.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT Công ty quyết định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Quy chế CBTT của công ty bao gồm 3 Chương 14 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ~~12~~ tháng ~~11~~ năm 20~~24~~ và thay thế Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm theo Nghị Quyết số 1506/15/NQ/HĐQT-HAGL Agrico ngày 15/06/2015.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 



Trần Bá Dương

PHỤ LỤC 1

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

PHẦN 1:

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Stt	Nội dung công bố thông tin	Thời hạn CBTT	Phương tiện CBTT
1	Báo cáo tài chính (“BCTC”)		
1.1	BCTC Quý (BCTC riêng và hợp nhất) - Kèm Giải trình khi: ✓ Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo KQKD thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước; ✓ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại. ✓ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; ✓ Báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. - Trường hợp BCTC Quý được soát xét: Công bố trong thời hạn 5 ngày sau khi kiểm toán ký báo cáo nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý. - Trường hợp đối tượng CBTT là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng: Công bố BCTC Quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	- SGDCK - Website Công ty
1.2	BCTC Bán niên (BCTC riêng và hợp nhất) - Kèm Giải trình: Giải trình tương tự giải trình ở mục BCTC Quý (Mục 1.1)	- Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. - Trường hợp đối tượng CBTT là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng: Công bố BCTC Bán niên trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	
1.3	BCTC năm (đã được kiểm toán)	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	

Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Stt	Nội dung công bố thông tin	Thời hạn CBTT	Phương tiện CBTT
2	Báo cáo thường niên Lập Báo cáo thường niên theo mẫu tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT -BTC	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	- SGDCK - Website Công ty
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng và năm Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC bao gồm 2 bản báo cáo: 1 bản có đầy thông tin và 1 bản không có thông tin cá nhân để CBTT và Mẫu NY -02 của Quy chế niêm yết 2022 (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 3 năm 2022</i>)	Báo cáo 6 tháng đầu năm chậm nhất 30/07 và Báo cáo năm chậm nhất 30/01 hàng năm	- SGDCK - Website Công ty
4	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên		
4.1	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên	20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	- SGDCK - Website Công ty
4.2	Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty	Danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp nếu điều lệ Công không quy định thời hạn ngắn hơn (khoản 1 Điều 141 Luật DN)	
4.3	Công bố tài liệu họp như: Thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu sử dụng trong cuộc họp, phiếu biểu quyết và dự thảo nghị quyết các vấn đề trong chương trình họp. (Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có))	21 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên (Điểm a khoản 3 Điều 10 TT96/2020/TT-BTC)	
4.4	CBTT về ứng viên HĐQT và Ban kiểm soát	Tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty
4.5	Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp	
5	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn sau phát hành Phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Mục a, Khoản 1, Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (mẫu số 01 phụ lục đính kèm)	Định kỳ 06 tháng sau khi phát hành, chào bán phải báo cáo về tiến độ sử dụng vốn cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	

PHẦN 2:

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

- Thời gian CBTT: 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện trừ khi có quy định khác.
- Mẫu biểu: Mẫu Phụ lục VI kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trừ khi có hướng dẫn khác.

Stt	Nội dung công bố thông tin	Bộ phận cung cấp
1	Các sự kiện sau đây khi CBTT phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).	
1.1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	Bộ phận Tài chính kế toán
1.2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Người phụ trách CBTT Mẫu phụ lục III kèm theo quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK
1.3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	Thư ký HĐQT
1.4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	Bộ phận Tài chính - Kế toán Thư ký HĐQT

Stt	Nội dung công bố thông tin	Bộ phận cung cấp
1.5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Thư ký HĐQT
1.6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;	Bộ phận Pháp lý Bộ phận Chiến lược Kế hoạch
1.7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	Bộ phận Kế toán
1.8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	Bộ phận Pháp lý
1.9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Bộ phận, cá nhân liên quan
1.10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;	Thư ký HĐQT

Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Sst	Nội dung công bố thông tin	Bộ phận cung cấp
	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;	
1.11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Công bố theo mẫu Phụ lục I Quy chế CBTT ban hành kèm theo QĐ 21/21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021. Trường hợp bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Lưu ý: Thực hiện CBTT trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn từ nhiệm của TV HĐQT, Ban Kiểm soát, Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày CBTT về việc thay đổi nhân sự. Đồng thời Công ty gửi Sở GDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ) và danh sách người nội bộ và người có liên quan.	Bộ phận Nhân sự Bộ phận Pháp lý
1.12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Bộ phận Tài chính - Kế toán Bộ phận Pháp lý
1.13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	Bộ phận pháp lý Các bộ phận, cá nhân liên quan khác
1.14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Bộ phận Pháp lý Bộ phận Kế toán Các bộ phận liên quan khác

Stt	Nội dung công bố thông tin	Bộ phận cung cấp
1.15	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Bộ phận Pháp lý
1.16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Bộ phận, cá nhân nắm thông tin
1.17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	Bộ phận, cá nhân có liên quan
1.18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Bộ phận Kế toán
1.19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Bộ phận Pháp lý
1.20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);	Bộ phận Pháp lý Bộ phận Tài chính – Kế toán
1.21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Bộ phận Pháp lý Bộ phận Tài chính – Kế toán
2	Công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Công bố thông tin về việc hợp ĐHĐCĐ bất thường; - Trường hợp lấy ý kiến Đại hội cổ đông bằng văn bản, tối thiểu là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty có quy định thời hạn khác dài hơn, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.	Thư ký HĐQT
3	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:	Thư ký HĐQT

Stt	Nội dung công bố thông tin	Bộ phận cung cấp
	- Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến; - Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	
4	CBTT khi mua bán cổ phiếu quỹ	
4.1	Mua/thu hồi cổ phiếu ESOP theo quy chế phát hành cổ phiếu của Công ty	Bộ phận Tài chính - Kế toán Thư ký HĐQT
4.2	Mua/bán cổ phiếu của Công ty trong các trường hợp khác	
4.3	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	
5	CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác	
5.1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán phát hành chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	Bộ phận Tài chính - Kế toán Thư ký HĐQT
5.2	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài Công ty đại chúng phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán.	Bộ phận Tài chính - Kế toán Bộ phận Pháp lý Thư ký HĐQT

PHẦN 3:

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty công bố thông tin trong vòng **24 giờ**, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK:
 - a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục nếu có.

PHẦN 4:

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

- a) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đại chúng phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty đại chúng, UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- b) Quy định tại điểm a Mục 1 phần này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
- c) Công ty đại chúng phải công bố trên website công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại điểm a Mục 1 nêu trên.

2. CBTT về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (Sau đây gọi chung là Người có liên quan) phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và Công ty khi giá trị dự kiến giao dịch **trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên** hoặc giá trị giao dịch dự kiến **trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá** (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;
- c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Mục 2 này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
- d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
- e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Mục 2.a Phần 4 này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Mục 1 Phần 4 này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- g) Quy định tại Mục 2.a, b, d Phần 4 này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ Công ty.
- h) Trường hợp đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng hoặc người có liên quan của đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại Mục 2.a Phần này.
- i) Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, ...) cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- j) Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Mục 2 Phần này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.